

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng rút gọn tỷ lệ 1/500  
Nhà máy sản xuất tấm pin năng lượng mặt trời  
Địa điểm: xã Triệu Trạch, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị

### TRƯỞNG BAN BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật Xây dựng sửa đổi số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018;

Căn cứ Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 7/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 6/5/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 37/2010/NĐ-CP và nghị định số 44/2015/NĐ-CP; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 quy định về quản lý Khu công nghiệp và Khu kinh tế;

Căn cứ Quyết định số 1229/QĐ-TTg ngày 19/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập BQL Khu kinh tế tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Quyết định số 1936/QĐ-TTg ngày 11/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Khu Kinh tế Đông Nam Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050, tỷ lệ 1/10.000;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn; Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng về việc ban hành QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng; Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng v/v hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 06/2023/QĐ-UBND ngày 12/4/2023 của UBND tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Quảng Trị;

*Căn cứ Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 31/7/2017 của UBND tỉnh Quảng Trị v/v ban hành Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch chung xây dựng Khu Kinh tế Đông Nam Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Căn cứ Quyết định số 3585/QĐ-UBND ngày 24/12/2019 của UBND tỉnh Quảng Trị về phê duyệt đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị - giai đoạn 2, tỷ lệ 1/2.000;*

*Căn cứ Quyết định số 2129/QĐ-UBND ngày 05/8/2020 của UBND tỉnh v/v ban hành Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng Khu Kinh tế Đông Nam Quảng Trị - giai đoạn 2, tỷ lệ 1/2000;*

*Căn cứ Quyết định số 29/2022/QĐ-UBND ngày 10/11/2022 của UBND tỉnh ban hành Quy định phân công, phân cấp công tác lập, thẩm định và quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh;*

*Căn cứ Quyết định số 21/QĐ-KKT ngày 08/3/2023 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Quảng Trị về việc Chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư;*

*Căn cứ Văn bản số 108/TTr-QVSOLAR ngày 06/6/2024 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển QV Solar v/v không sử dụng nước sản xuất cho Nhà máy sản xuất tấm pin năng lượng mặt trời;*

*Căn cứ Văn bản số 1345/SXD-QHKT ngày 06/6/2024 của Sở Xây dựng v/v ý kiến Quy hoạch chi tiết rút gọn Nhà máy sản xuất tấm pin năng lượng mặt trời;*

*Xét đề nghị của Phòng Quản lý Quy hoạch và Xây dựng tại Báo cáo thẩm định Quy hoạch chi tiết xây dựng rút gọn tỷ lệ 1/500 Nhà máy sản xuất tấm pin năng lượng mặt trời ngày 16/8/2024 và đề nghị của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển QV Solar tại Tờ trình số 106/TTr-QVSOLAR ngày 06/6/2024 v/v giải trình, chỉnh sửa Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng rút gọn tỷ lệ 1/500 Nhà máy sản xuất tấm pin năng lượng mặt trời.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng rút gọn tỷ lệ 1/500 Nhà máy sản xuất tấm pin năng lượng mặt trời với những nội dung sau:

**1. Tên đồ án:** Quy hoạch chi tiết xây dựng rút gọn tỷ lệ 1/500 Nhà máy sản xuất tấm pin năng lượng mặt trời.

**2. Địa điểm:** xã Triệu Trạch, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị.

**3. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch:** Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển QV Solar.

**4. Đơn vị tư vấn lập quy hoạch:** Công ty Cổ phần tư vấn và xây dựng GIS.

**5. Phạm vi ranh giới, quy mô và tỷ lệ lập quy hoạch:**

**5.1. Phạm vi:** Một phần Lô đất quy hoạch xây dựng nhà máy xí nghiệp, ký hiệu CN23 tại xã Triệu Trạch, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị, nằm trong Quy hoạch phân khu xây dựng Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị, giai

đoạn 2, tỷ lệ 1/2000 đã được UBND tỉnh Quảng Trị phê duyệt tại Quyết định số 3585/QĐ-UBND ngày 24/12/2019.

**5.2. Ranh giới:** Ranh giới cụ thể như sau:

- + Phía Đông Bắc: Giáp đất quy hoạch cây xanh cách ly, ký hiệu CXCL09 với tuyến đường trục dọc Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị
- + Phía Đông Nam: Giáp đất quy hoạch kho bãi, ký hiệu KB03.
- + Phía Tây Nam: Giáp đất tuyến đường quy hoạch Mặt cắt 5''-5'' rộng 21m.
- + Phía Tây Bắc: Giáp đường quy hoạch dự kiến mở rộng 25,0m (đường ĐT.582).

**5.3. Quy mô:**

- Quy mô diện tích lập quy hoạch: 74.725 m<sup>2</sup> (theo Quyết định số 21/QĐ-KKT ngày 08/3/2023 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Quảng Trị về việc Chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư).

- Quy mô dân số: dự kiến khoảng 200 người.

**5.4. Tỷ lệ lập quy hoạch:** 1/500.

**6. Mục tiêu lập quy hoạch:**

- Đề cụ thể hóa đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị - giai đoạn 2, tỷ lệ 1/2.000 được UBND tỉnh Quảng Trị phê duyệt tại Quyết định số 3585/QĐ-UBND ngày 24/12/2019.

- Tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội, góp phần giải quyết vấn đề lao động tại địa phương.

- Làm cơ sở pháp lý để Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển QV Solar triển khai các thủ tục tiếp theo của Dự án Nhà máy sản xuất tấm pin năng lượng mặt trời được chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư theo Quyết định số 21/QĐ-KKT ngày 08/3/2023 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Quảng Trị.

**7. Các chỉ tiêu sử dụng đất đai, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật:**

TT	Tên	Đơn vị	Chỉ tiêu theo quy chuẩn	Chỉ tiêu theo đồ án
<b>1</b>	<b>Chỉ tiêu sử dụng đất</b>			
-	Mật độ xây dựng thuần của lô đất xây dựng nhà máy, kho tàng (có mái)	%	≤60	50,4
-	Tầng cao tối đa	tầng	2	1÷2
-	Hệ số sử dụng đất	lần	1.2	0.51
<b>2</b>	<b>Chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất</b>			
-	Đất giao thông	%	≥ 10	23.35
-	Đất cây xanh	%	≥ 10	23.05
<b>3</b>	<b>Chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật</b>			

3.1	Cấp nước			
-	Nước kỹ thuật, PCCC (Qcn)	m <sup>3</sup> /ha-ng.đ	≥ 20	20
-	Nước CT hành chính, dịch vụ	L/m <sup>2</sup> sàn-ng.đ	≥ 2	2
-	Nước cây xanh	L/m <sup>2</sup> -ng.đ	≥ 3	3
3.2	Cấp điện			
-	Điện sản xuất, kho tàng	kW/ha	200	200
-	Điện CT hành chính, dịch vụ	kW/ha	300	300
-	Điện cây xanh	kW/ha	5	5
-	Điện đường, sân bãi	kW/ha	10	10
3.3	Thoát nước thải	%Qcn	> 80	80

### 8. Quy hoạch mặt bằng sử dụng đất:

Bảng cơ cấu sử dụng đất

STT	LOẠI ĐẤT	KÝ HIỆU	DIỆN TÍCH (m <sup>2</sup> )	DIỆN TÍCH (ha)	TỶ LỆ (%)	MẬT ĐỘ XD (%)	TẦNG CAO (tầng)	Quy mô (m <sup>2</sup> )
<b>I</b>	<b>Các hạng mục chính</b>	<b>HMC</b>	<b>35232</b>	<b>3.523</b>	<b>47.15</b>	<b>47.15</b>	-	
1	Xưởng sản xuất 1 (36x144m)		5184	0.518	6.94	6.94	1	
2	Xưởng sản xuất 2 (36x144m)		5184	0.518	6.94	6.94	1	
3	Kho nguyên vật liệu 1 (36x144m)		5184	0.518	6.94	6.94	1	
4	Kho nguyên vật liệu 2 (36x144m)		5184	0.518	6.94	6.94	1	
5	Kho thành phẩm 1 (36x144m)		5184	0.518	6.94	6.94	1	
6	Kho thành phẩm 2 (36x144m)		5184	0.518	6.94	6.94	1	
7	Kho thành phẩm 3 (30x120m)		3600	0.360	4.82	4.82	1	
8	Nhà điều hành		183	0.018	0.24	0.24	2	
9	Nhà ăn ca		345	0.035	0.46	0.46	2	
<b>II</b>	<b>Hạng mục phụ trợ</b>	<b>PT</b>	<b>256</b>	<b>0.026</b>	<b>0.34</b>	<b>0.34</b>		
1	Nhà bảo vệ (03 nhà)		60	0.006	0.08	0.08	1	
2	Nhà để xe (02 nhà)		100	0.010	0.13	0.13	1	
3	Trạm đặt máy biến áp (03 trạm)		66	0.007	0.09	0.09	1	
4	Bể nước sinh hoạt			0.000	0.00	-	Xây ngầm	40
5	Bể nước			0.000	0.00	-	Xây	40

							ngâm	
6	Nhà trạm bơm		30	0.003	0.04	0.04		
<b>III</b>	<b>Hạng mục bảo vệ môi trường</b>	<b>BVMT</b>	<b>3125</b>	<b>0.313</b>	<b>4.18</b>	<b>3.21</b>		
a	<i>Công trình lưu trữ chất thải (30x80m)</i>			0.000	0.00			
1	Kho chứa CTR sản xuất		720	0.072	0.96	0.96	1	
2	Kho chứa CTNH		1680	0.168	2.25	2.25	1	
b	<i>Công trình xử lý nước</i>			0.000	0.00			
1	Cụm bể thu gom nước thải			0.000	0.00	-	Xây ngâm	120
2	Hồ điều hòa		725	0.073	0.97	-		
<b>IV</b>	<b>Các hạng mục hạ tầng khác</b>	<b>HTK</b>	<b>-</b>	<b>0.000</b>	<b>0.00</b>	<b>-</b>		
1	Hệ thống cấp điện			0.000	0.00	-		1
2	Hệ thống cấp nước			0.000	0.00			1
3	Hệ thống PCCC			0.000	0.00			1
<b>V</b>	<b>Đường giao thông + HT thoát nước</b>	<b>GT</b>	<b>17451</b>	<b>1.745</b>	<b>23.35</b>			
<b>VI</b>	<b>Sân bê tông</b>	<b>SBT</b>	<b>1266</b>	<b>0.127</b>	<b>1.69</b>			
<b>VII</b>	<b>Cây xanh - tiểu cảnh</b>	<b>CX</b>	<b>17221</b>	<b>1.722</b>	<b>23.05</b>			
<b>VIII</b>	<b>Công, hàng rào</b>	<b>HR</b>	<b>174</b>	<b>0.017</b>	<b>0.24</b>			
<b>TỔNG</b>			<b>74725</b>	<b>74.725</b>	<b>100</b>	<b>50.70</b>		

Bảng tổng hợp cơ cấu sử dụng đất

STT	LOẠI ĐẤT	DIỆN TÍCH (m <sup>2</sup> )	DIỆN TÍCH (ha)	TỶ LỆ (%)	MẬT ĐỘ XD (%)	TẦNG CAO (tầng)	HỆ SỐ SDD (lần)
1	Các hạng mục chính	35232	3.523	47.15	47.148	2	
2	Hạng mục phụ trợ	256	0.026	0.34	0.34	1	
3	Hạng mục bảo vệ môi trường	3125	0.313	4.18	3.21	1	
4	Các hạng mục hạ tầng khác	0	0.000	0.00	0	-	
5	Đường giao thông + HT thoát nước	17451	1.745	23.35		-	
6	Sân bê tông	1266	0.127	1.69		-	
7	Cây xanh - tiểu cảnh	17221	1.722	23.05		-	
8	Công, hàng rào	174	0.017	0.24		-	
<b>TỔNG</b>		<b>74725</b>	<b>74.725</b>	<b>100</b>	<b>50.70</b>	<b>-</b>	

## 9. Quy hoạch không gian kiến trúc cảnh quan:

- Quy hoạch Nhà máy hiện đại, thân thiện với môi trường và cảnh quan xung quanh. Tổ chức không gian mạch lạc, đơn giản, thuận tiện phục vụ sản xuất hiệu quả. Phân chia các khu vực chức năng:

+ Khu vực các công trình sản xuất, phụ trợ sản xuất tập trung tại trung tâm nhà máy.

+ Khu vực các công trình phụ trợ như: Nhà vệ sinh, nhà phụ trợ sản xuất ...

+ Không gian cây xanh, nghỉ ngơi, thư giãn.

+ Tổ chức giao thông nội bộ đơn giản mạch lạc: Tổ chức luồng hàng, luồng người đảm bảo an toàn sản xuất.

- Đưa ra các quy định kiểm soát phát triển hợp lý cho lô đất nhà máy, và các quy định về tầng cao trung bình, mật độ xây dựng, các khoảng lùi trong xây dựng công trình để đưa ra một giải pháp quy hoạch hiệu quả nhất.

- Hình thức kiến trúc của các công trình thuộc Nhà máy có đặc trưng của công trình sản xuất. Đồng thời hướng tới nhà máy thân thiện, an toàn và bảo vệ môi trường.

## 10. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

### 10.1. Quy hoạch san nền:

- Cao độ thiết kế: Dựa trên cao độ của đường trục chính khu kinh tế Đông Nam và cao độ các nút đường Quy hoạch phân khu giai đoạn 2 giáp khu vực quy hoạch.

- Thiết kế dốc từ phía Tây Bắc  $\cos 4.60$  xuống Đông Nam cốt 4.3, với độ dốc thiết kế  $i = 0,06\% - 0,09\%$ .

### 10.2. Quy hoạch hệ thống giao thông:

- Giao thông đối ngoại: Phía Đông Bắc giáp đất quy hoạch cây xanh cách ly, ký hiệu CXCL09 với tuyến đường trục dọc Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị rộng 50m. Phía Tây Nam giáp đất tuyến đường quy hoạch Mặt cắt 5''-5'' rộng 21m.

- Giao thông đối nội: Đường bê tông xi măng. Độ dốc 2% dốc về phía rãnh thu nước mặt. Bề rộng đường tùy thuộc vào từng vị trí trong khuôn viên nhà máy.

Hạng mục	Mặt cắt 1 - 1, 2 - 2 và 5 - 5 Tuyến ND1	Mặt cắt 2 - 2 Tuyến D1	Mặt cắt 3 - 3 Tuyến D2	Mặt cắt 4 - 4 Tuyến N1, N4	Mặt cắt 4 - 4 Tuyến N2, N3, N5
Lộ giới (m)	7,75 -:- 16,0	7,75	18,0	20,50	20,00
Lòng đường (m)	5,0	5,0	10,5	10,50	5,0
Hành lang (m)	0,0 -:- 5,0m	2.75 + 0	2 x 3,75	2 x 5,0	2 x 7,5
Chiều dài (m)	869,50	174,26	280,75	495,75	447,75

- Định hướng đầu nối vào tuyến đường trục dọc Khu kinh tế Quảng Trị rộng 50m được thực hiện khi hạ tầng khu công nghiệp chưa được triển khai đồng bộ. Sau khi hạ tầng khu công nghiệp tại khu vực được đầu tư đồng bộ, hoàn thành, đi vào hoạt động, yêu cầu thực hiện đầu nối vào tuyến đường quy hoạch Mặt cắt 5''-5'' rộng 21m theo đúng quy hoạch được duyệt.

### **10.3. Quy hoạch cấp nước, PCCC:**

- Nước kỹ thuật, PCCC: Được cấp từ tuyến ống cấp nước nằm ở phía Nam (tiếp giáp đường quy hoạch).

- Nước sinh hoạt: Sử dụng nguồn nước từ tuyến ống cấp nước nằm ở phía Nam, nguồn nước giếng khoan và bể nước sinh hoạt trong nhà máy.

- Hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà được thiết kế khi 1 đám cháy xảy ra đồng thời với lưu lượng chữa cháy bằng 15 (l/s) trong 3 giờ. Hạng cứu hỏa được bố trí trên mạng lưới cấp nước chính với đường kính ống từ D100mm với khoảng cách giữa hai hạng cứu hỏa tối đa là 150m.

### **10.4. Thoát nước mưa:**

- Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế tách riêng với hệ thống thoát nước thải và dựa trên các nguyên tắc sau:

+ Xác định hồ điều hòa là hồ chứa nước mưa. Hai phần ba diện tích nước mặt được dẫn về hồ điều hòa.

+ Được thiết kế hệ thống rãnh kín bằng bê tông chạy sát mép ngoài bó vỉa, dọc theo chiều dài công bố trí các cửa thu nước dạng thu đứng với khoảng cách 27 - 47m/cái.

- Các tuyến công được xây dựng đồng bộ khi thi công xây dựng đường giao thông để giảm khối lượng đào đắp.

- Gồm 17 tuyến thoát nước mưa có kích thước lòng rãnh rộng 0,6m, chiều cao lòng rãnh 1,0m.

### **10.5. Quy hoạch cấp điện, chiếu sáng:**

- Cấp điện:

+ Lắp đặt hệ thống cấp điện 22kv đi nổi cung cấp điện cho toàn bộ trong khu lập quy hoạch. Hệ thống cung cấp điện sinh hoạt và chiếu sáng được thiết kế đi chung trong hào kỹ thuật.

+ Xây dựng mới 03 trạm biến áp cấp điện cho khu nhà điều hành và toàn bộ hệ thống chiếu sáng, khu hạ tầng kỹ thuật và các vị trí cây xanh tập trung giáp với khu vực bãi đỗ xe.

- Nguồn cấp: Theo quy hoạch phân khu được duyệt và tuyến đường 22kV hiện trạng.

### **10.6. Quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc:**

Nguồn cấp theo định hướng trong quy hoạch chung, khu vực quy hoạch thuộc phạm vi phục vụ của Tổng đài điều khiển của tỉnh. Hệ thống thông tin liên lạc cho khu nghiên cứu được đấu nối vào mạng viễn thông của huyện Triệu Phong. Khu vực thiết kế được đảm bảo về dung lượng cũng như lưu lượng thuê bao dự kiến.

### **10.7. Quy hoạch hệ thống thoát nước thải, quản lý CTR và vệ sinh môi trường:**

- Nước thải sinh hoạt: Dùng ống thoát nước tự chảy bằng HDPE D110mm chảy từ khu vệ sinh công trình về cụm bể thu gom nước thải bằng các tuyến công

HDPE D300. Sau đó, được thu gom dẫn về trạm xử lý, nước thải sau khi xử lý đạt QCVN 24:2009/BTNMT được thoát ra hệ thống nước mưa theo quy hoạch.

- Nước thải sản xuất: Dự án không phát sinh nước thải sản xuất.

- Tổ chức thu gom CTR: chất thải rắn sản xuất và chất thải độc hại được thu gom vào nhà kho (*giáp nhà máy sản xuất*), sau đó được vận chuyển bằng xe chuyên dụng qua đường PCCC phía sau để đưa về khu xử lý chung.

**Điều 2.** Quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch:

- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển QV Solar chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh về quản lý và thực hiện đồ án Quy hoạch được duyệt; Tổ chức công bố công khai quy hoạch chi tiết theo quy định. Khi có yêu cầu điều chỉnh quy hoạch chi tiết, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển QV Solar có trách nhiệm lập hồ sơ báo cáo Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh xem xét, giải quyết theo quy định; Chịu trách nhiệm nghiên cứu các hướng dẫn, yêu cầu của các Sở, ngành, địa phương tại các Văn bản tham gia ý kiến về Đồ án để thực hiện trong quá trình triển khai các thủ tục tiếp theo của Dự án; Chịu trách nhiệm thực hiện các quy định hiện hành của pháp luật về các thủ tục đầu tư của Dự án Nhà máy sản xuất tấm pin năng lượng mặt trời đảm bảo phù hợp với nội dung Đồ án quy hoạch chi tiết được phê duyệt tại Quyết định này.

- Phòng Quản lý Quy hoạch và Xây dựng theo chức năng, nhiệm vụ hướng dẫn Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển QV Solar thực hiện đúng theo đồ án Quy hoạch được duyệt.

- UBND xã Triệu Trạch phối hợp với Phòng Quản lý Quy hoạch và Xây dựng quản lý tốt đất đai, quy hoạch, xây dựng theo đồ án Quy hoạch được duyệt.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 64/QĐ-KKT ngày 10/6/2024 của BQL Khu kinh tế.

Chánh Văn phòng Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Quảng Trị, Trưởng các phòng: Quản lý Quy hoạch và Xây dựng, Quản lý Tài nguyên và Môi trường, Quản lý Đầu tư và Doanh nghiệp, Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển QV Solar và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- UBND tỉnh (b/c);
- Lãnh đạo Ban;
- Các Sở: CT, XD, TN&MT, NN&PTNT, KH&CN (p/h);
- UBND huyện Triệu Phong (p/h);
- Phòng CS PCCC&CHCN - Công an tỉnh (p/h);
- UBND xã Triệu Trạch (p/h);
- Phòng: ĐTDN, TNMT, VP;
- Lưu VT, QHXD.

**TRƯỞNG BAN**

**Phạm Ngọc Minh**